1. **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I TOÁN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Số tự nhiên** | Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên | Số câu: 1  (Câu 1)  Điểm:  (0,25 đ) |  |  |  |  |  |  |  | 52.5 |
| Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên |  | Số câu: 2  (Câu 1a,b)  Điểm:  (1,5 đ) |  | Số câu: 1  (Câu 1c)  Điểm:  (1 đ) |  | Số câu: 1  (Câu 4a)  Điểm:  (0,5 đ) |  | Số câu: 1  (Câu 4b)  Điểm:  (0,5 đ) |
| Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố, hợp số,ƯC và BC | Số câu: 2  (Câu 2, 3)  Điểm:  (0,5 đ) |  |  |  |  | Số câu: 1  (Câu 3)  Điểm:  (1,0 đ) |  |  |
| **2** | **Số nguyên** | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên |  |  | Số câu: 1  (Câu 4)  Điểm:  (0,25 đ) |  |  |  |  |  |  |
| Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên |  | Số câu: 1  (Câu 2a)  Điểm:  (0,75 đ) | Số câu: 1  (Câu 5)  Điểm:  (0,25 đ) | Số câu: 1  (Câu 2b)  Điểm:  (0,75 đ) |  |  |  |  | 20% |
| **3** | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều |  |  | Số câu: 1  (Câu 5)  Điểm:  (0,25 đ) |  |  |  |  |  | 15% |
| Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân | Số câu: 1  (Câu 7)  Điểm:  (0,25 đ) |  |  |  |  | Số câu: 1  (Câu 5a)  Điểm:  (0,5 đ) |  | Số câu: 1  (Câu 5b)  Điểm:  (0,5 đ) |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | Phân tích và xử lí dữ liệu (bảng thống kê, biểu đồ tranh, cột, cột kép) | Số câu: 1  (Câu 8)  Điểm:  (0,25 đ) |  |  | Số câu: 2  (Câu 6a, 6b)  Điểm:  (1,0 đ) |  |  |  |  | 12,5% |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | | 2  1,25 | 1  2,25 | 5  0,75 | 2  2,75 | 5 | 6  2 |  | 1  10 | 10 |
| **Tỉ lệ %** | | | 35% | | 35% | | 20% | | 10% | | 100 |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | 100 |

1. **BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| 1 | **Số tự nhiên** | **Nội dung 1:**  Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên | **Nhận biết:**  – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.   * Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; | **1 TN**  **(Câu 1)** |  |  |  |
| **Nội dung 2:**  Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên | **Nhận biết:**  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  **Thông hiểu:**  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  ***Vận dụng:***  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).  ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính. | **2 TL**  **(Câu 1a,b)** | **1 TL**  **(Câu c)** | **1 TL**  **(Câu 4a)** | **1 TL**  **(Câu 4b)** |
| **Nội dung 3:**  Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.Ước chung và bội chung | **Nhận biết:**  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  **Vận dụng:**  – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...). | **2 TN**  **(Câu 2,3)** |  | **1 TL**  **(Câu 3)** |  |
| 2 | **Số nguyên** | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên | ***Thông hiểu:***  – So sánh được các số nguyên cho trước. |  | **1 TN**  **(Câu 4)** |  |  |
| Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.  – Thực hiện được phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên(mức độ đơn giản)  **Thông hiểu:**  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. | **1 TL**  **(Câu 2a)** | **1 TN**  **(câu 5),**  **1 TL**  **(Câu 2b)** |  |  |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | | | | | |
| 3 | **Các hình khối trong thực tiễn.** | **Nội dung 1:**  Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều | **Nhận biết:**  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều và các tính chất của hình  ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). |  | **1 TN**  **(Câu 6)** |  |  |
| **Nội dung 2:**  Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân | **Nhận biết**  – Nhận dạng được Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân và các tính chất của hình  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  **Thông hiểu:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).  **Vận dụng, vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích xung quanh của hình ghép. | **1 TN**  **(Câu 7)** |  | **1 TL**  **(Câu 5a)** | **1 TL**  **(Câu 5b)** |
| **THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** | | | | | | | |
| 4 | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | ***Nhận biết:***  – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  ***Thông hiểu:***  – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  ***Vận dụng:***  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). | **1 TN**  **(Câu 8)** | **2 TL**  **(Câu 6a,b)** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 12  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Quận 12, ngày 15 tháng 11 năm 2022* |

**ĐỊNH HƯỚNG**

**Khung kiến thức và biểu điểm**

**Bài kiểm cuối kỳ I môn Toán – Khối 6**

**Năm học: 2022 - 2023**

1. Thời điểm kiểm tra cuối kỳ I

Nội dung hết tuần 16

2. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm( 2 điểm) và Tự luận (8 điểm)

3. Thời lượng kiểm tra: 90 phút

4. Nội dung kiến thức:

5. Khung cấu trúc đề và thang điểm (định hướng):

***I: Trắc nghiệm: (2 điểm) (8 câu ) Mức độ nhận biết và thông hiểu, vận dụng thấp.***

**Số và Đại số: 5** câu**, Hình:** 2 câu**, Thống kê:** 1 câu

* Tập hợp, phần tử tập hợp, tập hợp STN : 1 câu
* Dấu hiệu chia hết 2; 3; 5; 9 : 1 câu
* Số nguyên tố, hợp số : 1 câu
* Tập hợp số nguyên, thứ tự tập hợp số nguyên: 1 câu
* Các phép toán trong tập hợp số nguyên : 1 câu
* Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều : 1 câu
* Nhận dạng, mô tả cạnh, đường chéo hoặc tính diện tích đơn giản hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân qua hình vẽ: 1 câu
* Dựa vào bảng dữ liệu ban đầu, bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép : 1 câu

**II : Phần tự luận ( 8 điểm)**

Bài 1( 2,5 đ) Thực hiện phép tính

a) Dùng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng .

b) Phép toán có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa (không ngoặc)

c) Phép toán có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa (có ngoặc)

Bài 2: (1,5 đ) Tìm x 

1. Dạng đơn giản
2. Dạng có 2 phép tính, có thể có ngoặc.

Bài 3: (1 đ) Toán đố vận dụng kiến thức ƯCLN/ BC.

Bài 4: (1 đ) Toán thực tế tính giá số tiền đi mua hàng, giá trị một món hàng, hoặc tính số ngày tiết kiệm,…( câu a, b)

Bài 5: (1 điểm) Toán thực tế vận dụng tính diện tích các hình phẳng trong thực tiễn (hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình thang cân, hình bình hành, hình thoi) (câu a, b)

Bài 6: (1 điểm)Thống kê (cho biểu đồ tranh/ biểu đồ cột rồi trả lời các câu hỏi)

**6. Mức độ trong cấu trúc đề:**

Tùy vào mỗi trường, Các thầy cô phân bổ 4 mức độ ở các câu trong đề, ghi rõ trong biên bản ma trận đề của trường mình theo các mức độ sau:

**- Nhận biết***: 3- 4 điểm*

**- Thông hiểu***: 3- 4 điểm*

**- Vận dụng thấp:** *2 điểm*

**- Vận dụng cao:** *1 điểm*